

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHTĐ, ngày 11... tháng ... năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

- Tên chương trình: Cử nhân Marketing (Bachelor of Marketing)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Marketing
- Mã ngành: 7340115
- Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Marketing theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo cử nhân có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Marketing; kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; khả năng thích ứng và sáng tạo; phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm xã hội. Sinh viên tốt nghiệp có năng lực ngoại ngữ, tin học, tinh thần học tập suốt đời để làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế; đáp ứng nhu cầu của người học, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng; góp phần vào sự phát triển bền vững của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Kiến thức

PEO1. Nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị, marketing, luật và xã hội; đồng thời vận dụng hiểu biết chuyên sâu về marketing và các xu hướng mới vào thực tiễn.

1.2.2 Kỹ năng

PEO2. Vận dụng kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng số để lập kế hoạch, triển khai, kiểm tra và đánh giá các hoạt động marketing, đáp ứng bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu hội nhập.

PEO3. Phát triển khả năng sáng tạo và thích ứng linh hoạt để đề xuất và thực hiện các giải pháp marketing hiệu quả trong môi trường kinh doanh năng động.

PEO4. Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc.

1.2.3 Thái độ

PEO5. Thực hiện công việc marketing với phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm xã hội và ý thức bảo vệ môi trường.

PEO6. Phát triển tinh thần học tập suốt đời để nâng cao năng lực nghề nghiệp và đóng góp cho cộng đồng.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1 Kiến thức

2.1.1 Kiến thức chung

PLO1. Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, marketing, luật và xã hội vào hoạt động marketing.

2.1.2 Kiến thức chuyên môn

PLO2. Vận dụng kiến thức chuyên sâu về marketing và xu hướng mới để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng mềm

PLO3. Vận dụng khả năng sáng tạo để đưa ra giải pháp marketing hiệu quả trong các tình huống thực tế, thích ứng với thay đổi trong môi trường marketing và kinh doanh.

PLO4. Sử dụng tốt ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

2.2.2 Kỹ năng nghề nghiệp

PLO5. Thực hiện nghiên cứu thị trường, phân tích dữ liệu, hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá các hoạt động marketing.

PLO6. Sử dụng thành thạo các công cụ và nền tảng marketing số trong hoạt động marketing.

2.3 Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO7. Tuân thủ quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội trong thực hiện hoạt động marketing.

PLO8. Chủ động tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng kỹ năng nhằm nâng cao năng lực và đóng góp vào sự phát triển bền vững của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2.4. Định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Sinh viên có thể bắt đầu ở vị trí chuyên viên, đảm trách các công việc liên quan đến chuyên môn được đào tạo như: nghiên cứu thị trường, phát triển thị trường, bán hàng, chăm sóc khách hàng, quảng cáo, quan hệ công chúng, xây dựng chiến lược, kế hoạch marketing. Sau khi hội đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, kiến thức, sinh viên có thể đảm nhận được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao tại các doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận; hoặc giảng dạy, nghiên cứu về quản trị kinh doanh, marketing tại các trường đại học, cao đẳng.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi ra trường, sinh viên đủ điều kiện tiếp tục chuyển tiếp theo học sau đại học, đặc biệt du học nước ngoài hoặc tham gia chuyển tiếp sau đại học với các tổ chức đào tạo quốc tế hợp tác với Nhà trường.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ (Chưa bao gồm các học phần điều kiện)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo;

Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số tín chỉ, học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 - 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 - 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 - 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 - 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 - 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 - 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 - 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần tích lũy

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình gồm 130 tín chỉ (Chưa bao gồm các học phần điều kiện)

Stt	Nội dung chương trình	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương (Chưa bao gồm các học phần điều kiện)	34
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	84
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành	23
	- Kiến thức chuyên ngành (Bắt buộc)	43
	- Kiến thức bổ trợ, tự chọn, chuyên sâu của ngành (Tự chọn)	18
3	Thực tập tốt nghiệp, Đồ án, khóa luận tốt nghiệp: Thực tập tốt nghiệp và thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (hoặc Tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế)	12
Tổng cộng		130

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương (34 TC)-Chưa bao gồm các học phần điều kiện

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
7	0301000292	Luật kinh tế	2	2	
8	0301002902	Tiếng Anh căn bản 1	3	3	
9	0301002903	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	
10	0301002904	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	
11	0301003005	Tiếng Anh tăng cường 1**	3	3	

12	0301003006	Tiếng Anh tăng cường 2**	3	3	
13	0301003007	Tiếng Anh tăng cường 3**	3	3	
14	0301003008	Tiếng Anh tăng cường 4**	3	3	
15	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
16	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
17	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1
	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			
	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
18	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8		8
19	0301003009	Nhập môn khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2	
20	KNM	Kỹ năng mềm**	4	4	
21	KNN	Kỹ năng nghề nghiệp**	4	4	
22	0301002997	Năng lực số	3	2	1
23	0301000668	Toán cao cấp	2	2	
24	0301001403	Thống kê kinh doanh	3	2	1
25	0301003009	Trí tuệ nhân tạo	2	2	
Tổng			34	32	2

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (84 TC)

8.2.1 Kiến thức cơ sở ngành (23 TC)

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301000236	Kinh tế vi mô	3	2	1
2	0301000898	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
3	0301001051	Nguyên lý Marketing	3	3	
4	0301000367	Nguyên lý kế toán	3	2	1
5	0301000687	Thuế	2	1	1
6	0301000446	Quản trị học	3	2	1
7	0301001830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	2	1
8	0301003084	Phân tích dữ liệu và ra quyết định trong kinh doanh	3	2	1
Tổng			23	16	7

8.2.2 Kiến thức chuyên ngành (Bắt buộc: 43 TC)

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001619	Tiếng Anh chuyên ngành 1 - Marketing	3	3	
2	0301001620	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - Marketing	3	3	
3	0301000335	Nghiên cứu Marketing	3	3	
4	0301003093	Hành vi người tiêu dùng	3	3	
5	0301003089	Tiếp thị trên nền tảng số	3	3	
6	0301000438	Quản trị bán hàng	3	3	
7	0301000461	Quản trị thương hiệu	3	3	
8	0301000454	Quản trị Marketing	3	3	
9	0301003096	Marketing chiến lược	3	3	
10	0301003097	Quan hệ công chúng và truyền thông	3	2	1
11	0301000314	Marketing quốc tế	3	3	
12	0301003098	Chuyên đề Marketing	3		3
13	0301003099	Marketing dữ liệu và phân tích	3	3	
14	0301001854	Thực tập nghề nghiệp - Marketing	4		4
Tổng			43	35	8

8.2.3 Kiến thức bổ trợ, tự chọn, chuyên sâu của ngành (Tự chọn: 18 TC)

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301003100	Marketing trực tiếp	2	2	
2	0301003101	Chăm sóc khách hàng	2	2	
3	0301003102	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2	
4	0301003103	Quản trị đổi mới và sáng tạo	2	2	
5	0301000534	Thương mại điện tử	2	2	
6	0301003085	Quản lý dự án	3	2	1
7	0301003088	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	2	2	
8	0301000310	Marketing du lịch	2	2	
9	0301000440	Quản trị chiến lược	3	3	
10	0301002558	Quản trị sản xuất	3	3	
11	0301000460	Quản trị tài chính	3	3	
12	0301000439	Quản trị chất lượng	3	3	
13	0301003086	Quản trị hiệu suất làm việc của nhân viên trong doanh nghiệp	3	2	1
14	0301003090	Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội	3	2	1

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
15	0301001846	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	2	
16	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	2	
17	0301000493	Thanh toán quốc tế	3	3	
18	0301000443	Quản trị cung ứng và Logistic	3	3	
19	0301003104	Quản trị vận hành	3	3	
Tổng			48	45	3

8.3 Thực tập tốt nghiệp, Đồ án, khóa luận tốt nghiệp (12 TC)

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001855	Thực tập tốt nghiệp - Marketing	4		4
2	0301001856	2.1 Khóa luận tốt nghiệp - Marketing	8		8
		2.2 Tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế			
	0301001857	2.2.1 Tiểu luận tốt nghiệp - Marketing	4		4
		2.2.2 Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn)	4	4	
		Phần tự chọn			
4	0301001833	Marketing ứng dụng	2	2	
5	0301000453	Marketing tổng hợp	2	2	
6	0301001836	Khởi sự kinh doanh	2	2	
7	0301001848	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2	
TỔNG CỘNG			12	4-0	8-12

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

Học kỳ 1

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Pháp luật đại cương	2	2		30	30	
2	Luật kinh tế	2	2		30	30	
3	Năng lực số	3	2	1	60	30	30
4	Quản trị học	3	2	1	60	30	30
5	Nguyên lý Marketing	3	3		45	45	
TỔNG CỘNG		13	11	2	225	165	60

Học kỳ 2

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thống kê kinh doanh	3	2	1	60	30	30
2	Kinh tế vi mô	3	2	1	60	30	30
3	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1	30		30
	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**						
	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**						
5	Triết học Mác - Lênin	3	3		45	45	
6	Toán cao cấp	2	2		30	30	
7	Tiếng Anh căn bản 1	3	3		45	45	
TỔNG CỘNG		14+1	12	2+1	270	180	90

Học kỳ 3

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8		8	240		240
2	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1	30		30
	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**						
	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**						
3	Tiếng Anh căn bản 2	3	3		45	45	
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	30	
5	Trí tuệ nhân tạo	2	2		30	30	
TỔNG CỘNG		7+9	7	9	375	105	270

Học kỳ 4

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tiếng Anh căn bản 3	3	3		45	45	
2	Hành vi người tiêu dùng	3	3		45	45	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	30	
4	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	60	30	30
5	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	2	1	60	30	30
6	Kỹ năng mềm**	4	4		60	60	
7	Nhập môn khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2		30	30	
8	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1	30		30
	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**						
	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**						
TỔNG CỘNG		14+7	12+6	2+1	360	270	90

Học kỳ 5

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thuế	2	1	1	45	15	30
2	Nguyên lý kế toán	3	2	1	60	30	30
3	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2		30	30	
4	Phân tích dữ liệu và ra quyết định trong kinh doanh	3	2	1	60	30	30
5	Tiếng Anh chuyên ngành 1 - Marketing	3	3		45	45	
6	Nghiên cứu Marketing	3	3		45	45	
TỔNG CỘNG		16	13	3	285	195	90

Học kỳ 6

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30	
2	Quản trị Marketing	3	3		45	45	
3	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - Marketing	3	3		45	45	
	Học phần tự chọn:	6	6				
5	Marketing trực tiếp	2	2		30	30	
6	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	2		30	30	
7	Marketing du lịch	2	2		30	30	
8	Quản trị sản xuất	3	3		45	45	
9	Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội	3	2	1	60	30	30
10	Thanh toán quốc tế	3	3		45	45	
TỔNG CỘNG		14	14 (13)	(1)	210 (225)	210 (195)	(30)

Học kỳ 7

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tiếp thị trên nền tảng số	3	3		45	45	
2	Marketing dữ liệu và phân tích	3	3		45	45	
3	Marketing chiến lược	3	3		45	45	

	Học phần tự chọn:	6	6				
4	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2		30	30	
5	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	2	1	1	45	15	30
6	Chăm sóc khách hàng	2	2		30	30	
7	Quản lý dự án	3	2	1	60	30	30
8	Quản trị tài chính	3	3		45	45	
9	Quản trị cung ứng và Logistic	3	3		45	45	
10	Quản trị vận hành	3	3		45	45	
TỔNG CỘNG		15	15 (14)	(1)	225 (240)	225 (210)	(30)

Học kỳ 8

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tập nghề nghiệp - Marketing	4		4	120		120
2	Quan hệ công chúng và truyền thông	3	2	1	60	30	30
	Học phần tự chọn:	6	6				
3	Thương mại điện tử	2	2		30	30	
4	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	2		30	30	
5	Quản trị đổi mới và sáng tạo	2	2		30	30	
6	Quản trị chiến lược	3	3		45	45	
	Quản trị chất lượng	3	3		45	45	
7	Quản trị hiệu suất làm việc của nhân viên trong doanh nghiệp	3	2	1	60	30	30
TỔNG CỘNG		13	8 (7)	5 (6)	270 (285)	120 (105)	150 (180)

Học kỳ 9

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Marketing quốc tế	3	3		45	45	
2	Quản trị bán hàng	3	3		45	45	
3	Quản trị thương hiệu	3	3		45	45	
4	Chuyên đề Marketing	3		3	90		90
TỔNG CỘNG		12	9	3	225	135	90

Học kỳ 10

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Kỹ năng nghề nghiệp**	4	4		60	60	
2	Thực tập tốt nghiệp - Marketing	4		4	240		240
	Loại hình 1:	8					
3	Khóa luận tốt nghiệp - Marketing	8		8	240		240
	Loại hình 2:	8					
4	Tiểu luận tốt nghiệp-Marketing	4		4	120		120
	Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 trong những học phần tự chọn)	4					
5	Marketing ứng dụng	2	2		30	30	
6	Marketing tổng hợp	2	2		30	30	
7	Khởi sự kinh doanh	2	2		30	30	
8	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2		30	30	
TỔNG CỘNG		12+4	(4-0) + 4	8-12	480- 540	120	360- 480

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 Tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết

= 30 tiết đối với học phần thực tập/thực hành

= 60 tiết thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

10.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần.

10.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

10.3. Đối với sinh viên

- Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Đảm bảo thời gian lên lớp đầy đủ để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận/ tiểu luận tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá. *msy*

